

Bản án số: 109/2023/HC-PT
Ngày: 27 - 02 - 2023
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 và 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 649/2022/TLPT-HC ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1250/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 295/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: đường 12, Khu phố 5, phường T, Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hải A, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: đường H, khu phố 2, phường B, Thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường Th1, Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quốc S, sinh năm 1980 - Phó trưởng Phòng tiếp công dân - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, phường A, Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Công ty cổ phần Phát triển và kinh doanh nhà.

Địa chỉ: Lầu 12 Cao Ốc H - đường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1976.

Địa chỉ liên hệ: đường B, phường B1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

3/. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ng, phường Th2, Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Bà Ngô Thị D, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường 12, Khu phố 5, phường T, Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ngày 23/9/1995, ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Th phần diện tích đất 545m² với giá là 152.600.000 đồng, phần đất này ông T đứng tên cho ông Nguyễn Đức H và ông Th1. Sau khi san lấp đất thì diện tích đất tăng lên nên ngày 17/4/2006 ông H trả thêm tiền cho ông Th phần diện tích 52m² do mua dư từ năm 1995 cùng với ông T, số tiền là 9.360.000 đồng. Cụ Thấm nhận tiền trực tiếp từ ông H. Đến ngày 23/10/1995 ông T và ông H tách quyền sử dụng đất riêng của mỗi người.

Tại tờ nộp thuế ngày 24/8/1997 do ông T đóng phần diện tích đất là 500m² và ông T đóng thuế luôn cho cả phần đất của ông H. Sau khi tách quyền sử dụng đất riêng của mỗi người thì đất của ai người đó đóng thuế. Từ khi nhận chuyển nhượng đất cho đến nay ông là người trực tiếp quản lý sử dụng đất và có đóng thuế cho nhà nước hàng năm.

Ngày 08/02/2017, bà Trần Thị Hải A là người đại diện theo ủy quyền cho ông làm đơn yêu cầu UBND Quận 2 cung cấp thông tin địa chính đối với thửa đất nêu trên.

Ngày 28/02/2017, Phòng Tài nguyên môi trường UBND Quận 2 đã trả lời khu đất thuộc các thửa 139, 140 nằm hoàn toàn trong khu vực thu hồi, giải tỏa theo Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 13/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về giao đất cho Công ty Phát triển và kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty cổ phần phát triển và kinh doanh nhà) để đầu tư hạ tầng cơ sở Khu đô thị A - A1.

Ngày 06/6/2017, ông H đã cùng với tổ công tác của UBND Phường A tiến hành việc kiểm đếm và đo vẽ hiện trạng các thửa đất bị thu hồi. Đồng thời nộp cho UBND Phường A toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng, biên lai đóng thuế, tờ tường trình nguồn gốc đất của thửa đất đã kê khai, kiểm đếm.

Ngày 01/11/2017, UBND Phường A đã ra thông báo số 213/TB- UBND về Danh sách các hộ dân đã kê khai nhà đất tại thửa số 63, 64, 65, 66 tờ bản đồ số 1, phường A, quận Th, nay là các thửa số 48 đến 55, từ 91 đến 116, thửa 137 đến 149 tờ bản đồ số 47, trong đó có thửa đất số 63, 50 tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 299/TT) nay là thửa 140 tờ bản đồ 47, diện tích 229,7m² do ông H đứng tên trên hồ sơ kê khai. Đồng thời, UBND phường A đã cho đăng báo 3 kỳ để công bố, trong đó có nêu rõ trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo (15/11/2017), những người ngoài danh sách được nêu trong thông báo có thắc mắc, khiếu nại sẽ không được giải quyết.

Kể từ sau khi hết hạn theo thông báo nói trên, mặc dù không có phát sinh khiếu kiện, tranh chấp về người sử dụng đất và diện tích đất tại thửa đất đã thông báo, UBND Quận 2 vẫn không thực hiện việc tổng đạt quyết định thu hồi đất đối với các thửa đất mà ông H đã nộp hồ sơ kê khai và thực hiện việc kiểm đếm, đo đạc theo qui định của pháp luật và không xác lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi các thửa đất nêu trên.

Đến ngày 04/10/2018, ông H được Chủ tịch UBND phường A mời làm việc với nội dung thực hiện Thông báo số 2304/TB-HDBT ngày 30/6/2018 giao UBND phường A giải thích pháp lý nguồn gốc đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ với các hộ dân nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn Th. UBND phường A còn thông báo cho ông về việc các trường hợp các hộ dân chuyển nhượng sau thời điểm năm 1999 không đủ điều kiện đứng tên trên hồ sơ bồi thường.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho ông các yêu cầu sau đây:

1/. Buộc UBND Quận 2 tổng đạt quyết định thu hồi đất cho ông H là người đang quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2/. Buộc UBND Quận 2 ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật đất đai năm 2015 cho ông H đối với thửa đất số 63,50 tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 299/TT) nay là thửa 140 tờ bản đồ 47, diện tích 229,7m².

3/. Buộc UBND Quận 2 chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với vi phạm trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Bà A cho rằng UBND phường A ban hành Văn bản số 14/UBND ngày 22/7/2019 xác lập hồ sơ pháp lý cho các hộ dân, trong đó có ông Nguyễn Đức H là không đúng quy định. Bà A yêu cầu xác lập hồ sơ pháp lý như hồ sơ của ông Nguyễn Văn T do nguồn gốc đất của ông H trước đây là do ông T đại diện mua của ông Th vào năm 1995, sau đó ông H có giấy đề nghị tách quyền sử dụng đất từ ông T. Ông H có nộp thuế cho cơ quan thuế, có quá trình sử dụng đất. Như vậy, theo quy định, ông H phải được xác lập hồ sơ pháp lý như hồ sơ của ông

Nguyễn Văn T.

Nay ông H xin rút lại yêu cầu khởi kiện: Buộc UBND Quận 2 chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với vi phạm trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông H; đối với các yêu cầu còn lại, ông H vẫn giữ nguyên.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản trình bày ý kiến số 3948/UBND-DT ngày 24/10/2019 như sau:

Phần đất thuộc một phần các thửa 63, 64, 65, 66 tờ bản đồ số 01 theo Tài liệu 299/TTg, xã A (cũ), huyện Th nay thuộc phường A, Quận 2 nằm trong dự án đầu tư hạ tầng cơ sở khu đô thị mới A A1, Quận 2 (viết tắt là Dự án ĐT-HTCS-KDTM A - A1) có nguồn gốc đất do gia đình ông Nguyễn Văn Th kê khai quản lý, sử dụng (đất nông nghiệp) và chưa được cấp GCNQSDĐ. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông Nguyễn Văn Th đã tự san lấp, phân chia thành nhiều thửa đất nhượng bằng giấy tay cho một số hộ dân, hiện có 40 hộ dân đăng ký kê khai với 45 hồ sơ đề nghị bồi thường.

Trong quá trình thu thập hồ sơ do các hộ dân cung cấp và kiểm tra, xác minh, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường A gặp vướng mắc trong xác nhận hồ sơ pháp lý sử dụng đất, làm cơ sở lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ theo quy định: Việc các hộ dân tường trình và cung cấp giấy tay mua bán đất thời điểm vào năm 1992, 1993, 1995 là không phù hợp. Qua làm việc, một số hộ dân không hợp tác, vẫn khẳng định thời điểm nhận chuyển nhượng theo giấy tay mua bán là đúng; một số hộ dân cung cấp giấy tay mua bán năm 2001 và cho biết việc lập lại giấy tay mua bán ghi thời điểm năm 1992 là do ký lại vào năm 2014 để phù hợp với hồ sơ bằng khoán của ông Nguyễn Văn Th.

Ngày 19/3/2019, Hội đồng Bồi thường dự án đã họp và ban hành Thông báo nội dung kết luận số 28/TB-VP của Văn phòng HĐND và UBND quận để xem xét, giải quyết việc chia tách hồ sơ bồi thường của các trường hợp liên quan đến khu đất của ông Nguyễn Văn Th trong dự án Khu đô thị A - A1 theo nội dung đề xuất của phòng Tài nguyên và Môi trường quận tại Báo cáo số 30/BC-TNMT ngày 30/01/2019.

Ngày 22/7/2019, UBND phường A có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà đất số 14/UBND-XN đối với 21 trường hợp đăng ký sử dụng đất (trong đó có trường hợp ông Nguyễn Đức H), cụ thể như sau:

“Tổng diện tích giải tỏa: 4.249,04m². Trong đó:

- Diện tích 30,12m² thuộc đường theo tài liệu bản đồ 2002.*
- Diện tích xây dựng: 310,51m², diện tích sàn xây dựng: 503.29m².*

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà đất:

Toàn bộ phần đất nông nghiệp có diện tích 4.218,92m² do ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị L sử dụng ổn định không lấn chiếm trước năm 1992, sau năm 1999 ông Th và bà L tự chia tách, chuyển nhượng bằng giấy tay cho các hộ, hiện có 21 hộ dân đang sử dụng.

Phần diện tích 30,12m² theo tài liệu bản đồ 2002 thuộc đường đi.

Toàn bộ vật kiến trúc xây dựng sau năm 1999. Trong đó: 265,87m² bị xử phạt vi phạm hành chính. Cụ thể:

+ Diện tích 48,79m² bị UBND Quận 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 709/QĐ-UB-QLĐT ngày 06/4/2000 đối với bà Nguyễn Thị Hồng Ng tại thửa 60, tờ 01 (ngày 15/4/2002 bà Hồng Ng chuyển nhượng cho ông Trần Hữu M).

+ Diện tích 108,54m² (theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 108,48m²) bị UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 4736/QĐ-KPHQ ngày 19/9/2018 về biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 5104/QĐ-CCXP ngày 22/10/2018 về cưỡng chế buộc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Bùi Thị Hồng tại một phần thửa số 116, tờ bản đồ số 47 (theo bản đồ địa chính đo năm 2002), phường A, Quận 2.

+ Diện tích 108,24m² (theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 108,26m²) bị UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 4738/QĐ-KPHQ ngày 19/9/2018 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 5103/QĐ-CCXP ngày 22/10/2018 về cưỡng chế buộc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Dương Đức H tại một phần thửa 115, đường, tờ bản đồ số 47 (theo bản đồ địa chính đo năm 2002), phường A, Quận 2.

Về xử phạt vi phạm hành chính: Có.

Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Chưa được cấp GCNQSDĐ.

Về tranh chấp, khiếu nại: Hiện chưa phát hiện tranh chấp (đã công khai trên Báo S 03 kỳ liên tiếp vào ngày 14, 15, 16 tháng 11/2017 và niêm yết công khai tại Trụ sở Ban điều hành khu phố 5). ”

Hiện nay, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận đã áp giá chiết tính và phối hợp với UBND phường A, Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh nhà tiến hành tiếp xúc, hiệp thương giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân (trong đó đã tiếp xúc với bà Trần Thị Hải A (đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Đức H).

Ý kiến của UBND Thành phố Th về yêu cầu của người khởi kiện:

Dự án ĐT-HTCS-KĐT M A - A1 do Công ty TNHH Một thành viên Phát triển và Kinh doanh nhà thành phố (nay là Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh nhà) làm chủ đầu tư được Thủ tướng Chính phủ thu hồi đất tại Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 13/8/1999. Nội dung thu hồi đất đã thực hiện đúng với Luật Đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1998; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Đồng thời, theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 361/BTNMT-ĐĐ ngày 30/01/2008, trường hợp đã có quyết định thu hồi đất của Thủ tướng Chính phủ hoặc UBND thành phố theo quy định của pháp luật về đất đai trước Luật Đất đai năm 2003 thì UBND quận, huyện không phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân. Do đó, không phải ban hành

quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị giải tỏa trong dự án.

- Phần đất 229,7m² của ông Nguyễn Đức H nằm trong phần đất có diện tích 4.249,04m² có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị L sử dụng ổn định không lần chiếm trước năm 1992, sau năm 1999 ông Th và bà L tự chia tách, chuyển nhượng bằng giấy tay cho các hộ. Sau khi kiểm tra, UBND phường A nhận thấy không đủ điều kiện tách hồ sơ bồi thường cho ông H, có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà đất số 14/UBND-XN ngày 22/7/2019 đối với 21 trường hợp (*trong đó có trường hợp của ông Nguyễn Đức H*). Do đó, không có cơ sở để ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất 229,7m² thuộc một phần thửa số 63, 50 tờ bản đồ số 1 (theo TL 299/TTg), nay thuộc một phần thửa 140, tờ bản đồ số 47 (BĐĐC năm 2003), phường A, Quận 2 cho ông Nguyễn Đức H đứng tên.

Do đó, UBND Quận 2 đề nghị Tòa án nhân dân các cấp không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường A, Thành phố Th có văn bản số 446/UBND ngày 06/7/2020 yêu cầu vắng mặt ở tất cả giai đoạn tố tụng và không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 23/9/1995, ông Nguyễn Văn Th chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T phần diện tích đất 545m² với giá là 152.600.000 đồng, phần đất này ông T đứng tên cho ông Nguyễn Đức H và ông Th1.

Ngày 18/7/1999, ông Th làm giấy thỏa thuận cho ông T giá mua bán vẫn là giá cũ, diện tích đất nếu có tăng lên thì giá mua bán vẫn là giá cũ, không bị ảnh hưởng.

Sau khi san lấp đất thì diện tích đất tăng lên nên ông H trả thêm tiền cho ông Th và ngày 23/10/1995 ông T và ông H tách quyền sử dụng đất làm 02 phần.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông là người đóng thuế hành năm cho cả 03 người, đến khi tách quyền sử dụng đất ra thì đất của ai người đó đóng thuế. Ông yêu cầu vắng mặt khi xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần phát triển và kinh doanh nhà có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức H1 trình bày:

Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà tiền thân là Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà. Công ty chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0300446236 kể từ ngày 29/4/2016.

Trường hợp ông Nguyễn Đức H, Công ty chưa tiếp nhận hồ sơ đền bù của ông H và chưa tiếp nhận bàn giao đất liên quan đến ông H. Vì vậy, công ty không có ý kiến về vụ việc và không có hồ sơ bổ sung.

Công ty đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên

xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị D trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Đức H, việc mua bán chuyển nhượng đất do 01 mình ông H thực hiện nên bà không có ý kiến. Bà xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1250/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993 và Luật Đất Đai năm 2013 cùng các điều luật đã viện dẫn.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H về việc yêu cầu buộc UBND Thành phố Th tổng đạt quyết định thu hồi đất cho ông H là người đang quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật và buộc UBND Thành phố Th ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật đất đai năm 2015 cho ông H đối với thửa đất số 63, 50 tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 299/TT) nay là thửa 140 tờ bản đồ 47, diện tích 229,7m².

2/. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc UBND Thành phố Th chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với vi phạm trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Theo quy định tại Điều 144 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/8/2022, người khởi kiện ông Nguyễn Đức H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đức H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; người bị kiện cho rằng đồng ý lập hồ sơ bồi thường cho ông Th nhưng cấp sơ thẩm không đưa những người con của ông Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các con của ông Th khai khi mua bán có lập danh sách nhưng cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ này; lời khai của các đương sự trong vụ án có mâu thuẫn nhưng không tiến hành đối chất, không xác minh tại UBND phường A. Tòa sơ thẩm nhận định ông H không đủ điều kiện để lập hồ sơ bồi thường là không đúng quy định pháp luật. Lập hồ sơ bồi thường là trình tự thủ tục bắt buộc khi thu hồi đất. Ông H là người thực tế

đang đóng thuế với diện tích đất thu hồi; được ông T xác nhận đóng thuế thay cho ông H. UBND ra quyết định thu hồi đất từ năm 1999 nhưng đến năm 2017 mới kiểm đếm; hiện trên đất ông H có người đang sử dụng; có người dân xung quanh làm chứng; UBND không thực hiện kiểm đếm tài sản trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Trường hợp Hội đồng xét xử không hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Dự án này được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1042/QĐ-TTg năm 1998. Ông H đưa ra chứng cứ chứng minh mình sử dụng đất trước năm 1998 là không có cơ sở. Hợp đồng mà ông H xuất trình về đối tượng là không đúng; thời điểm đóng thuế từ năm 2012; tại giấy đề nghị tách quyền sử dụng đất thể hiện ông T đóng thuế năm 2006. Dự án này UBND thành phố Th tiến hành lập hồ sơ bồi thường toàn bộ cho ông Th. Ông H không đủ cơ sở để tách hồ sơ bồi thường riêng. Do ông H không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên UBND thành phố Th không có nghĩa vụ phải ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường đối với ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Cấp sơ thẩm có sai sót trong việc đánh giá chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức H làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND thành phố Th có yêu cầu xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền lợi tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Đức H khởi kiện yêu cầu buộc UBND Thành phố Th tổng đạt quyết định thu hồi đất cho ông H là người đang quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; buộc UBND Thành phố Th ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật đất đai năm 2015 cho ông H

đối với thửa đất số 63, 50 tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 299/TT) nay là thửa 140 tờ bản đồ 47, diện tích 229,7m². Đồng thời yêu cầu buộc UBND Thành phố Th chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với vi phạm trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông H rút lại yêu cầu buộc UBND Thành phố Th chịu trách nhiệm đối với vi phạm trong công tác bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Đức H về việc buộc UBND thành phố Th tổng đạt quyết định thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường, thấy rằng:

Phần đất 229,7m² ông H khiếu nại nằm trong phần đất diện tích 4.249,04m² có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị L sử dụng ổn định không lấn chiếm trước năm 1992, sau năm 1999 ông Th và bà L tự chia tách, chuyển nhượng bằng giấy tay cho các hộ dân. Hiện phần đất này nằm trong dự án đầu tư hạ tầng cơ sở khu đô thị mới A - A1, Thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1042/QĐ-TTg ngày 16/11/1998.

Ông H xác định ngày 23/9/1995, ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Th phần diện tích đất 545m² với giá là 152.600.000 đồng, phần đất này ông T đứng tên cho ông H và ông Th1. Sau khi san lấp đất thì diện tích đất tăng lên nên ngày 17/4/2006 ông H trả thêm tiền cho ông Th phần diện tích 52m² do mua dư từ năm 1995 cùng với ông T, số tiền là 9.360.000 đồng. Ông Th nhận tiền trực tiếp từ ông H nên ông H lập riêng lập hợp đồng chuyển nhượng đất đai (hoa màu) đề ngày 23/9/1995 với ông Th. Xét hợp đồng chuyển nhượng có nội dung ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho ông H số đất có diện tích như sau: chiều dài: 23,2m, chiều rộng 10,0m thuộc lô số 63, tờ bản đồ số 1 thuộc tổ 23 ấp 3, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thời điểm này chỉ có xã A, huyện Th; đến ngày 01/4/1997 mới thành lập phường A, Quận 2. Về mặt không gian, thời gian là có sự mâu thuẫn với thực tế khách quan. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 23/5/2018 của UBND phường A với các con của ông Nguyễn Văn Th về việc xác định thời điểm chuyển nhượng phần đất thuộc các thửa đất số 63, 64, 65, 66 tờ số 1 xã A, huyện Th (theo tài liệu 299/Ttg) thể hiện: “*Thời gian chuyển nhượng sau năm 1997 theo danh sách trên bản đồ ranh đất TL 1/500, các giấy tay mua bán của các hộ dân yêu cầu gia đình tái ký xác nhận vào năm 1992-1993.*”; chứng minh các giấy mua bán không được lập đúng thời gian đã thể hiện. Về hình thức, Hợp đồng chuyển nhượng đất đai (hoa màu) được ký kết giữa hai bên, không có chứng thực của chính quyền địa phương nên cũng không đủ cơ sở để xác định có việc chuyển nhượng trên thực tế. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H cũng không tiến hành đăng ký kê khai quyền sử dụng đất.

Ông H cho rằng đến ngày 23/10/1995 ông T và ông H tách quyền sử dụng đất riêng của mỗi người. Tại tờ nộp thuế ngày 24/8/1997 do ông T đóng phần diện tích đất là 500m² và ông T đóng thuế luôn cho cả phần đất của ông H. Sau

khi tách quyền sử dụng đất riêng của mỗi người thì đất của ai người đó đóng thuế. Tuy nhiên, theo thông báo nộp thuế lần 1 năm 2012 - người nộp thuế Nguyễn Đức H thì ông H đóng thuế từ năm 2012, ông H không chứng minh được thời điểm đóng thuế trước năm 1999 (thời điểm Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 13/8/1999).

Như vậy, ông H không chứng minh việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên vào năm 1995 là có thực như ông H trình bày, đồng thời không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có quá trình sử dụng đất từ thời điểm chuyển nhượng năm 1995 đến nay. Ông H khởi kiện yêu cầu UBND thành phố Th phải lập hồ sơ bồi thường cho ông H là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông H không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lập luận trên cũng là căn cứ không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất Đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1250/2022/HC-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H về việc yêu cầu buộc UBND Thành phố Th tổng đạt quyết định thu hồi đất cho ông H là người đang quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật và buộc UBND Thành phố Th ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật đất đai năm 2015 cho ông H đối với thửa đất số 63, 50 tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 299/TT) nay là thửa 140 tờ bản đồ 47, diện tích 229,7m².

2/. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc UBND Thành phố Th chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với vi phạm trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Theo quy định tại Điều 144 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002873 ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trí Tuấn

Hồ Thị Thanh Thúy

Hoàng Thanh Dũng